

Số: 288/QĐ-HV

Krông Ana, ngày 4 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Công khai thu-chi tài chính ngân sách quý II năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT HÙNG VƯƠNG

Căn cứ Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư 90/2018/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 1239/QĐ-SGDĐT ngày 21/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ kết quả thu, chi tài chính ngân sách quý II năm 2025 của Trường THPT Hùng Vương;

Xét đề nghị của Kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu về báo cáo thu – chi ngân sách nhà nước quý II năm 2025 (Có biểu số liệu kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công khai trên trang điện tử Nhà trường;
- Bảng công khai;
- Lưu: VT, HSCK.

HIỆU TRƯỞNG

Vương Xuân Hồng

Đơn vị: Trường THPT Hùng Vương
Chương: 074

**BẢNG ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
QUÝ II NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 228/QĐ-HV, ngày 04/07/2025 của Hiệu trưởng trường THPT Hùng Vương)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	So sánh (%)	
				Dự toán	Thực hiện
I/	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	551.004.464	262.804.000	0	0
	Số năm trước chuyển qua	288.200.464			
1/	Số thu phí, lệ phí (kể cả cấp bù)	262.804.000	262.804.000		
1,1	Lệ phí				
1,2	Phí (học phí)	262.804.000	262.804.000		
2/	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	221.983.915		
2,1	Chi sự nghiệp: Giáo dục	0	221.983.915		
a/	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	221.983.915		
b/	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0			
2,2	Chi quản lý hành chính				
3/	Số phí, lệ phí nộp thuế				
3,1	Lệ phí				
3,2	Phí (học phí)				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.430.000.000	6.667.528.472		
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	20.430.000.000	6.667.528.472		
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14.308.000.000	6.667.528.472		
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.122.000.000	0		
	- Nguồn 12	5.431.000.000	0		
	- Nguồn 18	691.000.000	0		

Người lập



Văn Đức Hải

Phụ trách đơn vị



Vương Xuân Hồng

Đơn vị: Trường THPT Hùng Vương
Chương: 074

THUYẾT MINH DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2025

(Kèm theo đối chiếu dự toán NSNN quý II năm 2025)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao	Thực hiện 06 tháng năm 2025
I/	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
1/	Số thu phí, lệ phí	0	262.804.000
1.1	Lệ phí		
1.2	Phí (học phí)		262.804.000
2/	Chi từ nguồn thu phí được để lại	243.000.000	221.983.915
2.1	Chi sự nghiệp: Giáo dục	243.000.000	221.983.915
a/	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	243.000.000	221.983.915
b/	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
2.2	Chi quản lý hành chính	0	0
3/	Số phí, lệ phí nộp thuế	0	0
3.1	Lệ phí		
3.2	Phí (học phí)		0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	20.430.000.000	6.667.528.472
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14.308.000.000	6.667.528.472
-	Chi lương	12.869.000.000	6.001.284.115
-	Chi thường xuyên (Bao gồm chi lương 02 HĐLĐ theo ND 111/2021/NĐ-CP)	1.439.000.000	666.244.357
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.122.000.000	0
3.2.1	Nguồn 12	5.431.000.000	0
a	Chi hoạt động	0	0
b	Chi mua sắm	1.658.000.000	0
c	Chi sửa chữa, bảo dưỡng	3.105.000.000	0
-	Sửa chữa hệ thống chiếu sáng khu thể dục, thể thao	495.000.000	0
-	Sửa chữa nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên	495.000.000	0
-	Sửa dây nhà 16 phòng học giai đoạn 2	810.000.000	
-	Sửa chữa nhà vệ sinh học sinh	675.000.000	
-	Sửa chữa mái che sân khấu phục vụ chào cờ	630.000.000	0
d	Chi mục tiêu, nhiệm vụ	668.000.000	0
-	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	229.000.000	0



-	Kinh phí thực hiện chính sách học bổng và phương tiện học tập cho học sinh khuyết tật theo TTLT 42/2013	18.000.000	0
-	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	421.000.000	
3.3	Quỹ tiền thưởng (Mã nguồn 18)	691.000.000	0

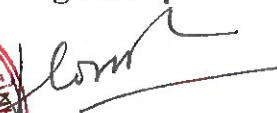
Người lập



Văn Đức Hải

Thủ trưởng đơn vị





Vương Xuân Hồng



Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 13 -
Khu vực Nhà nước Khu vực XIV
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mã chương: 422
Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Huệ
Mã DVQHNS: 100843F
Mã cấp NS: 2

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 2 /Năm 2025

Mã nguồn ngân sách NSNN/kinh tế	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
				Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	074	00000	0	0	5.431.000.000	5.431.000.000	0	0	0	0	0	5.431.000.000
13	074	00000	0	0	14.308.000.000	14.308.000.000	3.549.280.283	6.667.528.472	0	0	0	7.640.471.528
18	074	00000	0	0	691.000.000	691.000.000	0	0	0	0	0	691.000.000
Cộng:			0	0	20.430.000.000	20.430.000.000	3.549.280.283	6.667.528.472	0	0	0	13.762.471.528
Phần KBNN ghi:												

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 7 tháng 7 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Hà Thị Ngọc Ánh

Người ký: Bà Thị Minh Hòa
Ngày ký: 07/07/2025 14:04:11
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 13 - Khu vực Nhà nước Khu vực XIV

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 7 tháng 7 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Văn Đức Hải
Ngày ký: 07/07/2025 09:30:55
Chức danh: Trưởng kho bạc phủ tỉnh Hưng Vương
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Hưng Vương

Bùi Thị Minh Hậu

Văn Đức Hải

Vương Xuân Hồng



Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 13 -
Khu vực Nhà nước Khu vực XIV
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư



Mã chương: 422

Đơn vị: Trường học phổ thông Hùng Vương



Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 2 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	13	074	6001	00000	0	0	1.630.604.386	3.210.784.624	1.630.604.386	3.210.784.624
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	074	6051	00000	0	0	32.213.160	62.255.520	32.213.160	62.255.520
Phụ cấp chức vụ	13	074	6101	00000	0	0	34.047.000	67.743.000	34.047.000	67.743.000
Phụ cấp khu vực	13	074	6102	00000	0	0	125.658.000	249.210.000	125.658.000	249.210.000
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	074	6105	00000	0	0	148.600.000	148.600.000	148.600.000	148.600.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	074	6112	00000	0	0	557.608.710	1.100.180.580	557.608.710	1.100.180.580
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	074	6113	00000	0	0	8.775.000	17.550.000	8.775.000	17.550.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	074	6115	00000	0	0	248.701.806	490.172.872	248.701.806	490.172.872
Tiền taxi xe nghỉ phép năm	13	074	6253	00000	0	0	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000
Chi khác	13	074	6299	00000	0	0	4.940.100	23.910.100	4.940.100	23.910.100
Bảo hiểm xã hội	13	074	6301	00000	0	0	339.200.318	670.059.886	339.200.318	670.059.886
Bảo hiểm y tế	13	074	6302	00000	0	0	45.733.411	83.814.853	45.733.411	83.814.853
Kinh phí công đoàn	13	074	6303	00000	0	0	24.830.432	62.463.674	24.830.432	62.463.674
Bảo hiểm thất nghiệp	13	074	6304	00000	0	0	19.571.478	38.774.626	19.571.478	38.774.626
Chi khác	13	074	6449	00000	0	0	36.644.400	36.644.400	36.644.400	36.644.400
Tiền điện	13	074	6501	00000	0	0	21.971.333	32.480.590	21.971.333	32.480.590

Tiền khoán phương tiện theo chế độ	13	074	6505	00000	0	0	5.400.000	5.400.000	5.400.000	5.400.000
Vật tư văn phòng khác	13	074	6599	00000	0	0		6.750.000	6.750.000	6.750.000
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	13	074	6601	00000	0	0		279.996	465.996	279.996
Thuế bao kênh vệ tinh, thuế bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuế đường truyền mạng	13	074	6605	00000	0	0		2.300.997	3.834.995	2.300.997
Tuyển truyền, quảng cáo	13	074	6606	00000	0	0		0	10.065.000	0
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	074	6701	00000	0	0		13.080.000	13.080.000	13.080.000
Phụ cấp công tác phí	13	074	6702	00000	0	0		42.150.000	42.150.000	42.150.000
Tiền thuê phòng ngủ	13	074	6703	00000	0	0		40.100.000	40.100.000	40.100.000
Khoản công tác phí	13	074	6704	00000	0	0		2.400.000	2.400.000	2.400.000
Thuế phương tiện vận chuyển	13	074	6751	00000	0	0		9.600.000	19.800.000	9.600.000
Thuế lao động trong nước	13	074	6757	00000	0	0		15.550.000	22.850.000	15.550.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	074	7001	00000	0	0		1.246.000	1.246.000	1.246.000
Chi khác	13	074	7049	00000	81.225.000	81.225.000		41.380.756	76.836.756	122.605.756
Chi các khoản phí và lệ phí	13	074	7756	00000	0	0		0	2.250.000	0
Chi các khoản khác	13	074	7799	00000	0	0		0	31.500.000	0
Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	13	074	7854	00000	0	0		6.318.000	10.530.000	6.318.000
Phân KBNN ghi:	Cộng:				81.225.000	81.225.000		3.468.055.283	6.586.303.472	3.549.280.283
										6.667.528.472

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phân KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 7 tháng 7 năm 2025

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 7 tháng 7 năm 2025

Kế toán

Hà Thị Ngọc Ánh

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Bùi Thị Minh Hậu
Ngày ký: 07/07/2025 14:00:11
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Quản trị số 13 - Khu vực Nhà nước Khu vực XIV

Bùi Thị Minh Hậu

Kế toán trưởng

Người ký: Văn Đức Hải
Ngày ký: 07/07/2025 09:18:54
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Hùng Vương

Văn Đức Hải

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Vương Xuân Hồng
Ngày ký: 07/07/2025 09:30:53
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Hùng Vương

Vương Xuân Hồng

